

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 196/2004/NĐ-CP):

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3:

“1. Cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, được tổ chức theo hệ thống dọc gồm Tổng cục Dự trữ Nhà nước và các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực bố trí ở các địa bàn chiến lược trong cả nước.

Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có các Chi cục Dự trữ Nhà nước, trực tiếp quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia và xuất, nhập kho, mua vào, bán ra hàng dự trữ quốc gia theo lệnh của cấp có thẩm quyền.”

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 4:

“1. Danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 12:

“1. Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm; biên bản xác định hao hụt; biên bản xác nhận hàng bị hư hỏng, giảm phẩm chất so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc chỉ tiêu chất lượng, yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời; biên bản xác định hàng dự trữ quốc gia bị mất, Hội đồng xử lý tài sản dự trữ của cơ quan, đơn vị dự trữ từng cấp xem xét, phân tích làm rõ nguyên nhân gây hao hụt, hư hỏng, thiệt hại hoặc bị mất, đề xuất các biện pháp xử lý với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị dự trữ quốc gia.”

4. Sửa đổi Điều 14:

“Điều 14. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia

Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ đúng địa điểm quy định, bảo quản theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời; phải có đủ hồ sơ ghi rõ số lượng, chất lượng, giá trị và các diễn biến trong quá trình nhập, xuất, bảo quản. Không được thay đổi địa điểm để hàng và các yêu cầu kỹ thuật bảo quản khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

5. Sửa đổi Điều 15:

“Điều 15. Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia (tiêu chuẩn chất lượng nhập, xuất, yêu cầu bảo quản và thời hạn lưu kho):

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm xây dựng hồ sơ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Bộ Tài chính.

b) Trường hợp chưa xây dựng được quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với mặt hàng dự trữ quốc gia mới đưa vào dự trữ; chưa kịp sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành do thay đổi yêu cầu kỹ thuật hoặc công nghệ bảo quản, Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng và quyết định chỉ tiêu chất lượng và yêu cầu kỹ thuật bảo quản để tạm thời áp dụng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính. Trong thời gian tối đa là 1 năm kể từ khi bổ sung mặt hàng dự trữ quốc gia mới, thay đổi yêu cầu kỹ thuật hoặc công nghệ bảo quản, Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải hoàn thành việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để gửi Bộ Tài chính ban hành.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia (bao gồm định mức chi phí nhập kho, chi phí xuất kho, chi phí bảo quản và định mức hao hụt hàng dự trữ quốc gia).

Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Bộ Tài chính thẩm định và ban hành.

Định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia là căn cứ xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách, ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Căn cứ vào định mức đã được phê duyệt, các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức triển khai thực hiện định mức, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi phí quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 17:

“b) Riêng đối với hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định giá mua, giá bán cụ thể sau khi thống nhất về nguyên tắc định giá với Bộ Tài chính.

2. Căn cứ vào giá tối đa, tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định mức giá mua, giá bán cụ thể theo quy định hiện hành, sát với giá thị trường tại từng thời điểm và từng địa bàn thuộc phạm vi quản lý; đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đối với giá mua, giá bán những mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý về giá của Sở Tài chính địa phương, Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia chỉ đạo lấy ý kiến tham khảo của Sở Tài chính trên địa bàn có mua, bán hàng dự trữ quốc gia trước khi quyết định.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định phương án giá, quyết định giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về Giá.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA VÀ PHÂN CÔNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Nghị định số 43/2012/NĐ-CP
ngày 17 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ)

STT	Danh mục hàng	Cơ quan quản lý
1	<ul style="list-style-type: none"> - Lương thực (thóc, gạo). - Vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn. - Vật tư dự trữ thông dụng động viên công nghiệp: kim khí, thiết bị. - Kim loại quý trong nước chưa sản xuất được. - Muối ăn. 	<p style="text-align: center;">Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước)</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiên liệu (xăng, dầu Điezêl, Madut, dầu thô). - Vật liệu nổ công nghiệp. - Hạt giống bông. 	<p style="text-align: center;">Bộ Công Thương</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, giống cây trồng. - Hóa chất khử khuẩn, khử trùng làm sạch môi trường, xử lý nước trong nuôi trồng thủy sản. 	<p style="text-align: center;">Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
4	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vật tư dự trữ chuyên dụng cho động viên công nghiệp, thiết bị chuyên dùng đặc chủng cho quốc phòng: + Kim khí và các loại vật tư đặc chủng để sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, đạn dược. + Máy móc, thiết bị, phương tiện, phụ tùng đặc chủng. + Vật liệu nổ quân dụng. - Nhiên liệu dùng cho máy bay chiến đấu. - Máy bay tìm kiếm cứu nạn. - Bệnh viện dã chiến. - Vật tư, máy móc, thiết bị, phương tiện chuyên dùng ngành cơ yếu. 	<p style="text-align: center;">Bộ Quốc phòng</p>
5	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vật tư, máy móc, thiết bị, phương tiện đặc chủng chuyên dùng cho công an. - Vũ khí chiến đấu các loại cần thiết cho phòng, chống tội phạm. 	<p style="text-align: center;">Bộ Công an</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị y tế đặc thù quan trọng thiết yếu phòng, chữa bệnh cho người, thuốc phòng, chống dịch. - Thuốc, hóa chất xử lý nguồn nước. 	<p style="text-align: center;">Bộ Y tế</p>

STT	Danh mục hàng	Cơ quan quản lý
7	- Ray, dầm cầu đường sắt. - Nhiên liệu dùng cho máy bay dân dụng.	Bộ Giao thông vận tải
8	Hệ thống thu, phát thanh đồng bộ	Đài Tiếng nói Việt Nam
9	Hệ thống thu, phát hình đồng bộ	Đài Truyền hình Việt Nam